

Số: KL-TTra

Điện Biên, ngày tháng năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG ĐỐI VỚI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG

Thực hiện Quyết định số 267/QĐ-SYT ngày 26/4/2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Điện Biên về thanh tra việc thực hiện quy định về hoạt động tiêm chủng mở rộng đối với trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông.

Từ ngày 13/7/2021 đến ngày 22/7/2021 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông và đơn vị liên quan (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên).

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 30/7/2021 của Trưởng đoàn thanh tra, báo cáo giải trình của Trung tâm Y tế huyện Mường Chà và kết quả làm việc với đơn vị liên quan (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên), Giám đốc Sở Y tế kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Điện Biên; có chức năng triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh và lĩnh vực Y tế dự phòng; phòng chống HIV/AIDS; phòng, chống các bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm; Dân số - KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng; truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý toàn diện các trạm y tế xã (14 trạm y tế xã, thị trấn) trên địa bàn huyện.

Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông được thành lập theo quyết định số 09/QĐ-UB-TC ngày 11/01/1996 của UBND tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên); được kiện toàn theo Quyết định 987/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 1121/QĐ-SYT, ngày 28/10/2019 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên. Tổ chức bộ máy gồm 15 khoa chuyên môn, 05 phòng chức năng, 01 cơ sở điều trị và 02 cơ sở cấp phát thuốc Methadone.

Tổng số cán bộ viên chức (tính đến thời điểm 13/7/2021) là 193 người; trong đó: Bác sĩ 48 người (Bác sĩ chuyên khoa cấp II: 01; Bác sĩ chuyên khoa cấp I: 13; Bác sĩ đa khoa: 29); Cử nhân y tế công cộng 16; Dược sĩ 19 người (đại học 06, cao đẳng 12, trung cấp 1); Y sĩ 44 người (y sĩ sản nhi 14, y học cổ truyền 13, đa khoa 17); Kỹ thuật viên y 02 người (cao đẳng 1, trung cấp 01); Điều dưỡng 25 (đại học 06, cao đẳng 08, trung cấp 1); Nữ hộ sinh 24 người (Đại học 02, cao đẳng 20, trung cấp 02); Cán bộ và lao động khác 15 người (đại học 05; cao đẳng, trung cấp 03; lao động khác 7).

Trên địa bàn huyện có 16 điểm tiêm chủng cố định và 73 điểm tiêm chủng lưu động - điểm tiêm chủng ngoại trạm (tại các điểm bản). Số lượng cán bộ tham gia tiêm chủng là 77 người; các cán bộ tham gia tiêm chủng được tập huấn về an toàn tiêm chủng (Phụ lục 1).

Năm 2020, ngoài triển khai tiêm chủng mở rộng (TCMR) thường xuyên, huyện còn triển khai các chiến dịch tiêm chủng: Chiến dịch tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ 15 - 35 tuổi, địa bàn xã Tà Đình và xã Noong U; Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin bại liệt (IPV) địa bàn toàn huyện; Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin uốn ván - bạch hầu giảm liều (Td) địa bàn toàn huyện.

Vắc xin sử dụng trên địa bàn huyện Điện Biên Đông chủ yếu là vắc xin trong chương trình TCMR, gồm các loại vắc xin: vắc xin phòng lao (BCG); vắc xin bại liệt uống (OPV); vắc xin bại liệt tiêm (IPV); vắc xin sởi (MR); vắc xin sởi – rubella (MMR); vắc xin uốn ván (AT); vắc xin viêm gan B; vắc xin viêm não Nhật Bản; vắc xin bạch hầu – ho gà – uốn ván (DPT); vắc xin bạch hầu – ho gà – uốn ván – viêm gan B – Hib (Quinvaxem, Combe five, SII);... Ngoài ra, Trung tâm còn triển khai tiêm vắc xin phòng bệnh dại (miễn phí và thu phí) cho người dân. Vắc xin do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh cấp hàng tháng.

Hoạt động TCMR trên địa bàn huyện cũng gặp một số khó khăn:

- Dân cư trên địa bàn huyện đa số là người dân tộc (trên 95% dân số), trình độ của người dân không đồng đều, nhận thức về lợi ích của TCMR hạn chế: một số người dân không hợp tác trong việc tiêm chủng; còn ảnh hưởng của các hủ tục lạc hậu (cúng cho trẻ khi ốm mà không đưa trẻ đến bệnh viện); bà mẹ khi đưa trẻ đến tiêm chủng không mang theo sổ theo dõi tiêm chủng,...

- Do đặc tính phong tục tập quán, trẻ nhỏ ăn ngủ ở lán nương, ruộng nhiều ngày, không được bố mẹ đưa đi tiêm chủng;

- Còn nhiều bản giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt là về mùa mưa, không tiêm chủng được hoặc lỡ buổi tiêm sau khi đã thông báo lịch cho bà con, trời mưa không vào điểm tiêm được;

- Tỷ lệ hao phí vắc xin còn lớn, đặc biệt là vắc xin đóng lọ nhiều liều, do dân cư không tập trung, nhiều điểm tiêm chủng lưu động;

- Năm 2020, do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, ảnh hưởng đến hoạt động TCMR tại huyện Điện Biên Đông nói riêng và toàn tỉnh nói chung.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

2.1. Việc xây dựng kế hoạch năm và tổ chức thực hiện:

- Năm 2020, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch TCMR Sở Y tế giao, Trung tâm đã phối hợp với phòng Y tế huyện tham mưu xây dựng kế hoạch trình UBND huyện phê duyệt (bao gồm kế hoạch TCMR thường xuyên và kế hoạch triển khai các chiến dịch tiêm chủng bổ sung trong năm):

- + Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 12/02/2020 của UBND huyện Điện Biên Đông về Kế hoạch TCMR năm 2020 trên địa bàn huyện;

+ Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 16/9/2020 của UBND huyện Điện Biên Đông về Kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin uốn ván - bạch hầu giảm liều (Td) trên địa bàn huyện năm 2020;

+ Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 24/9/2020 của UBND huyện Điện Biên Đông về Kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin bại liệt (IPV) năm 2020 - 2021 trên địa bàn huyện.

- Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch Sở Y tế giao, kế hoạch của UBND huyện, Trung tâm xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện:

+ Kế hoạch số 50/KH-TTYT ngày 17/02/2020 của Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông về Kế hoạch hoạt động công tác TCMR năm 2020;

+ Kế hoạch số 199/KH-TTYT ngày 04/6/2020 của Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông về Kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ 15 - 35 tuổi, xã Tà Đình và Noong U năm 2020.

+ Kế hoạch số 317^a/KH-TTYT ngày 22/9/2020 của Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông về Kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin uốn ván - bạch hầu giảm liều (Td) trên địa bàn huyện Điện Biên Đông năm 2020;

+ Kế hoạch số 322^a/KH-TTYT ngày 25/9/2020 của Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông về Kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin bại liệt (IPV) năm 2020 - 2021.

- Trong quá trình triển khai thực hiện đơn vị đã chỉ đạo các phòng, khoa, các trạm y tế xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá kết quả hằng tháng, quý, năm. Thực hiện rà soát lại đối tượng TCMR (tháng 5-6 hằng năm) báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC Điện Biên) để điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với đối tượng thực tế.

- Công tác tập huấn: Năm 2020, Trung tâm tổ chức 02 lớp tập huấn về an toàn tiêm cho 66 cán bộ (Phụ lục 1). Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên tổ chức cho Trung tâm 02 lớp: (1) Lập kế hoạch tăng cường các hoạt động duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh (33 học viên); và (2) Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia (30 học viên).

* Kết quả TCMR cho các đối tượng (trẻ em, phụ nữ) năm 2020:

- Kết quả tiêm chủng các loại vắc xin cho trẻ em dưới 1 tuổi (tiêm chủng đầy đủ - TCĐĐ): 1.576/1.637 trẻ; đạt 96,3% (chi tiết Phụ lục 2).

- Kết quả tiêm chủng trẻ em trên 1 tuổi (chi tiết Phụ lục 3):

+ Trẻ em từ 1 – 5 tuổi tiêm viêm não Nhật Bản B (VNNB): mũi 2 được 1.634/1.699 trẻ, đạt 96,2%; mũi 3 được 1.848/1.924 trẻ, đạt 96,0%;

+ Trẻ từ 18 tháng tuổi tiêm vắc xin Sởi – Rubella (MR): được 1.685/1.757 trẻ, đạt 95,9%;

+ Trẻ từ 18 – 24 tháng tuổi tiêm vắc xin Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT) mũi 4: được 1.571/1.757 trẻ, đạt 89,4%.

- Kết quả tiêm chủng vắc xin phòng uốn ván (AT) cho phụ nữ có thai: được 1.560/1.643 người, đạt 94,9% (chi tiết Phụ lục 3).

2.2. Việc thực hiện quy định về tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, cấp phát vắc xin.

- Công tác tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản vắc xin và dung môi đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng:

- Tiếp nhận vắc xin từ tỉnh về huyện và cấp phát từ huyện xuống các trạm y tế xã, các điểm tiêm chủng được thực hiện bằng xe ô tô; bảo quản vắc xin bằng các hòm lạnh, phích vắc xin, có thiết bị theo dõi nhiệt độ của vắc xin trong quá trình vận chuyển.

- Trung tâm bố trí kho bảo quản vắc xin riêng, đảm bảo về diện tích và có đủ các thiết bị bảo quản theo quy định: ẩm kế, nhiệt kế, điều hòa không khí,... Xây dựng hồ sơ “Thực hành tốt bảo quản thuốc – GSP”.

- Tại kho và các cơ sở tiêm chủng, vắc xin được bảo quản riêng trong dây chuyền lạnh, thiết bị bảo quản lạnh theo quy định; không bảo quản chung với các sản phẩm khác; có đầy đủ thiết bị theo dõi nhiệt độ: nhiệt kế, chỉ thị đông băng điện tử; có biểu đồ theo dõi nhiệt độ tủ lạnh hằng ngày; có sổ theo dõi nhiệt độ, độ ẩm được ghi chép theo quy định.

- Có sổ sách theo dõi số lượng nhập, xuất, tồn vắc xin phiếu xuất kho; phiếu dự trữ vắc xin, vật tư TCMR; biên bản hủy vắc xin;...theo đúng quy định.

- Thực hiện bảo dưỡng, hiệu chuẩn định kỳ thiết bị theo dõi nhiệt độ bảo quản vắc xin (theo quy định của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế).

- Hàng tháng, đơn vị tổng hợp và dự trữ số lượng vắc xin gửi lên CDC Điện Biên đề nghị duyệt cấp. Thực hiện báo cáo sử dụng vắc xin theo quy định của chương trình TCMR.

- Kết quả kiểm tra số lượng vắc xin bảo quản tại dây chuyền lạnh (tại thời điểm kiểm tra) đúng với số liệu trên sổ sách.

- Số lượng từng loại vắc xin sử dụng cho hoạt động tiêm chủng mở rộng của đơn vị từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 (chi tiết phụ lục 4).

2.3. Việc thực hiện quy định về tổ chức tiêm chủng

Hoạt động TCMR trên địa bàn huyện được thực hiện tại 16 điểm tiêm chủng cố định và 73 điểm tiêm chủng lưu động - điểm tiêm chủng ngoại trạm, tại các điểm bản (Phụ lục 5); số cán bộ tham gia tiêm chủng là 77 người. Các điểm tiêm chủng cố định tại các trạm y tế xã được thực hiện vào một ngày cố định trong tháng.

Thực hiện TCMR theo Nghị định 104/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ “Quy định về hoạt động tiêm chủng”, và Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 “Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng”:

- Quản lý đối tượng tiêm chủng: Đối tượng tiêm chủng được quản lý bằng phần mềm quản lý TCMR của Chương trình TCMR Quốc gia và quản lý bằng sổ tiêm chủng theo quy định của chương trình (sổ tiêm chủng trẻ em, sổ tiêm chủng phụ nữ,...); đối tượng tiêm chủng được cập nhật thường xuyên.

- Bố trí, sắp xếp tại điểm tiêm chủng cố định, điểm tiêm chủng lưu động: Điểm tiêm chủng trên địa bàn huyện được công bố đủ điều kiện tiêm chủng và công khai trên trang điện tử của Sở Y tế. Các điểm tiêm chủng đảm bảo các điều kiện để thực hiện tiêm chủng (diện tích, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị) theo quy định.

- Khám sàng lọc và tư vấn trước tiêm chủng: Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc khám sàng lọc cho đối tượng trước khi thực hiện tiêm chủng vắc xin. Thông báo cho đối tượng tiêm chủng về tác dụng, liều lượng, đường dùng của loại vắc xin được tiêm chủng trước mỗi lần tiêm

- Thực hiện tiêm chủng: Vắc xin được thực hiện tiêm chủng theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất vắc xin, đủ liều, đúng đối tượng, vị trí tiêm; nhân viên tiêm chủng, đối tượng tiêm chủng kiểm tra vắc xin trước khi tiêm; kết thúc buổi tiêm chủng vô lọ vắc xin, bơm kim tiêm đã sử dụng được xử lý theo đúng quy định (tại Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Liên Bộ Y tế, Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế).

- Theo dõi sau tiêm chủng: sau tiêm chủng vắc xin đối tượng tiêm chủng ở lại điểm tiêm để theo dõi ít nhất 30 phút sau tiêm chủng, ghi chép vào sổ sách và tư vấn cho đối tượng tiêm chủng về cách tự theo dõi sức khỏe tại nhà.

2.4. Việc thực hiện quy định về giám sát, điều tra nguyên nhân tai biến nặng sau tiêm chủng sau tiêm chủng

Năm 2020, trên địa bàn huyện Điện Biên Đông không xảy ra ca phản ứng nặng nào sau tiêm chủng.

2.5. Việc thực hiện quy định về chế độ báo cáo và quản lý hồ sơ

Hàng tháng, đơn vị gửi báo cáo kết quả hoạt động TCMR về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo mẫu báo cáo quy định của Bộ Y tế.

2.6. Việc thực hiện quy định về bồi thường thiệt hại khi sử dụng vắc xin trong Chương trình TCMR

Năm 2020, trên địa bàn huyện Điện Biên Đông không xảy ra ca tử vong do tai biến tiêm chủng.

2.7. Kết quả triển khai tiêm vắc xin đại:

Năm 2020, trên địa bàn huyện không có ca mắc bệnh đại; công tác triển khai tiêm vắc xin đại được Trung tâm triển khai thường xuyên, 100% các trường hợp nghi đại được tiêm chủng vắc xin phòng bệnh:

- Bệnh nhân tiêm vắc xin có hồ sơ bệnh án tiêm vắc xin theo quy định; Thực hiện báo cáo, thanh quyết toán đầy đủ và kịp thời với CDC Điện Biên.

- Vắc xin được lĩnh từ CDC Điện Biên; được bảo quản tại kho lạnh của Trung tâm và tại điểm tiêm khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS theo đúng quy định: sổ theo dõi nhập, xuất; có tủ bảo quản vắc xin riêng; có biểu đồ theo dõi nhiệt độ hằng ngày.

- Số lượng vắc xin đại sử dụng năm 2020 là 1.215 liều, trong đó: miễn phí 922 liều; thu phí 293 liều.

* Số mũi tiêm vắc xin đại năm 2020:

Số mũi tiêm		
	Miễn phí	Thu phí
Mũi 1	190	93
Mũi 2	203	90
Mũi 3	197	69
Mũi 4	181	34
Mũi 5	151	7
Cộng	922	293

2.8. Kiểm tra điểm tiêm chủng tại Trung tâm và trạm Y tế xã.

***. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vắc xin tại điểm tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh, vắc xin BCG - Khoa Sức khỏe sinh sản.**

- Cán bộ thực hiện tiêm chủng được tập huấn về tiêm chủng.
- Có đầy đủ hộp chống sốc; hộp an toàn đựng bơm kim tiêm đã qua sử dụng; có áp phích Quy trình tiêm chủng an toàn.
- Có tủ bảo quản vắc xin riêng; có biểu đồ theo dõi nhiệt độ hằng ngày; có sổ tiêm chủng và thực hiện báo cáo theo quy định.
- Trẻ tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh và vắc xin BCG có sổ sách theo dõi; được cấp phiếu/sổ tiêm chủng để theo dõi.

- Năm 2020, có 408 trẻ được sinh tại Khoa; 100% trẻ sơ sinh đủ điều kiện được tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh và vắc xin BCG; không có trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng.

***. Kiểm tra điểm tiêm chủng tại trạm y tế xã Na Son; trạm y tế xã Noong U.**

- Các điểm tiêm chủng tại Trạm đủ điều kiện tiêm chủng: trạm y tế (TYT) Na Son, 01 điểm tiêm cố định tại trạm và 05 điểm tiêm lưu động tại 05 bản; TYT Noong U, 01 điểm tiêm cố định tại trạm và 12 điểm tiêm lưu động tại 12 bản.

- Các TYT xây dựng kế hoạch tiêm chủng hằng năm (UBND xã phê duyệt); trạm y tế xã xây dựng kế hoạch hằng tháng, có phân công cụ thể cho từng cán bộ tham gia tiêm chủng.

- Số cán bộ thực hiện tiêm chủng được tập huấn về tiêm chủng: TYT Na Son, 05 người; TYT Noong U, 05 người.

- Đối tượng tiêm chủng (trẻ em, phụ nữ) được theo dõi trên phần mềm và sổ theo quy định. Thực hiện báo cáo kết quả TCMR hàng tháng theo quy định.

- TYT có sơ đồ bố trí thực hiện tiêm chủng an toàn: tiếp đón; tư vấn, khám sàng lọc; phòng tiêm; phòng theo dõi sau tiêm vắc xin. Phòng tiêm vắc xin có đầy đủ hộp chống sốc theo quy định; có phác đồ chống sốc; có áp phích hướng dẫn thực hiện tiêm chủng an toàn.

- Có tủ bảo quản vắc xin riêng; thực hiện theo dõi nhiệt độ bảo quản vắc xin hằng ngày và ghi chép lại bằng biểu đồ nhiệt độ. Tủ bảo quản vắc xin, phích vắc xin được quản lý, kiểm kê hàng năm, giao tới từng cá nhân để quản lý và sử dụng đúng quy định

- Năm 2020, kết quả thực hiện TCMR tại các xã đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao; không xảy ra các trường hợp tai biến sau tiêm chủng vắc xin.

III. KẾT LUẬN

3.1. Kết quả đạt được:

- Năm 2020, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch TCMR Sở Y tế giao, Trung tâm đã phối hợp với phòng Y tế huyện tham mưu xây dựng kế hoạch trình UBND huyện phê duyệt (bao gồm kế hoạch TCMR thường xuyên và kế hoạch triển khai các chiến dịch tiêm chủng bổ sung trong năm).

- Trung tâm thực hiện tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, cấp phát vắc xin đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thực hiện tốt các quy định về tổ chức tiêm chủng tại 16 điểm tiêm chủng cố định và 73 điểm tiêm chủng lưu động. Đối tượng tiêm chủng được quản lý bằng phần mềm TCMR; được khám sàng lọc, tư vấn trước tiêm và được theo dõi sau khi tiêm theo đúng quy định. Các điểm tiêm chủng được công bố đủ điều kiện tiêm chủng. Cán bộ tham gia tiêm chủng được tập huấn về tiêm chủng.

- Thực hiện báo cáo hoạt động tiêm chủng từng tháng, quý, năm theo quy định của chương trình TCMR.

- Thực hiện theo dõi, báo cáo các trường hợp phản ứng, tai biến sau tiêm chủng vắc xin theo đúng quy định.

- Thực hiện tiêm vắc xin phòng dại (miễn phí và thu phí) cho nhân dân trên địa bàn đảm bảo đúng theo quy định.

- Trạm y tế các xã làm tốt công tác TCMR trên địa bàn xã; đã tham mưu cho UBND xã phê duyệt kế hoạch TCMR hằng năm.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

3.2.1. Việc xây dựng kế hoạch năm và tổ chức thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch đầu năm, dự kiến đối tượng tiêm chủng của năm chưa sát thực tế: số đối tượng đầu năm CDC Điện Biên giao lớn hơn số đối

tượng thực tế; sau đó, đến giữa năm (tháng 5-6), rà soát đối tượng và thực hiện điều chỉnh; cụ thể:

+ Trẻ dưới 01 tuổi: đầu năm dự kiến là 1.899 trẻ; sau điều chỉnh xuống 1.637 trẻ, nhiều hơn thực tế 262 trẻ.

+ Trẻ 01 - 02 tuổi: đầu năm dự kiến là 1.965 trẻ; sau điều chỉnh xuống 1.699 trẻ, nhiều hơn thực tế 266 trẻ.

+ Trẻ 18 - 24 tuổi: đầu năm dự kiến là 1.916 trẻ; sau điều chỉnh xuống 1.757 trẻ, nhiều hơn thực tế 159 trẻ.

+ Trẻ 03 - 05 tuổi: đầu năm dự kiến là 2.055 trẻ; sau điều chỉnh xuống 1.924 trẻ, nhiều hơn thực tế 131 trẻ.

+ Phụ nữ có thai: đầu năm dự kiến là 1.899 người; sau điều chỉnh xuống 1.643 trẻ, nhiều hơn thực tế 256 người.

- Chưa tách chỉ tiêu đối tượng đối tượng trẻ 18 tháng tuổi (tiêm vắc xin MR) và trẻ 18 – 24 tháng tuổi (tiêm DPT mũi 4); kết quả trẻ 18 – 24 tháng tuổi tiêm vắc xin DPT mũi 4 không đạt chỉ tiêu kế hoạch 89,4/94,7%.

- Vận hành phần mềm quản lý chương trình TCMR còn hạn chế; chưa khai thác các tính năng của phần mềm: quản lý đối tượng; quản lý vắc xin; vật tư; trích xuất báo cáo;...

3.2.2. Việc thực hiện quy định về tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, cấp phát vắc xin:

- Trung tâm chưa thực hiện công bố “Thực hành tốt bảo quản thuốc – GSP” đối với kho bảo quản vắc xin theo quy định.

- Chưa xây dựng quy trình cấp phát vắc xin và kế hoạch khẩn cấp khi gặp sự cố.

- Thiết bị dây chuyền lạnh (tủ lạnh, tủ đá) bảo quản vắc xin, chưa có sổ nhật ký sử dụng và vận hành.

- Cấp phát vắc xin từ kho Trung tâm Y tế huyện xuống các xã, không có biên bản giao nhận vắc xin và dung môi theo quy định (tại phụ lục 1, Thông tư 34/2018/TT-BYT).

- Kế toán đơn vị chưa thực hiện việc quản lý và theo dõi theo quy định đối với tài sản là công cụ dụng cụ (phích lạnh bảo quản vắc xin) của trạm y tế.

3.2.3. Việc thực hiện quy định về tổ chức tiêm chủng:

- Đối tượng tiêm chủng cập nhật trên phần mềm quản lý tiêm chủng và đối tượng thực tế không khớp nhau: trong phần mềm quản lý tiêm chủng cao hơn thực tế (nguyên nhân do lỗi phần mềm chưa lọc được đối tượng và lỗi này chưa được khắc phục).

- Chưa cập nhật, báo cáo đầy đủ thông tin các phản ứng sau tiêm chủng vắc xin của đối tượng tiêm chủng (các ca phản ứng thông thường): phản ứng sung, đau tại vị trí tiêm; phản ứng sốt.

- Do triển khai các điểm tiêm chủng lưu động, tỷ lệ hao phí vắc xin lớn, đặc biệt là vắc xin đóng lọ nhiều liều.

3.2.4. Hoạt động tiêm chủng tại trạm Y tế xã:

- Sở quản lý tiêm vắc xin ghi không đầy đủ thông tin: số lô, hạn sử dụng.
- Chưa thống kê, báo cáo các trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm chủng: phản ứng sưng, đau tại vị trí tiêm; phản ứng sốt.
- Vận hành phần mềm quản lý tiêm chủng tại trạm y tế xã còn hạn chế: thực hiện cập nhật đối tượng, thông tin tiêm chủng của đối tượng; chưa khai thác các tính năng quản lý vắc xin, vật tư, trích xuất báo cáo,...

3.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Dự kiến chỉ tiêu đối tượng đầu năm cao hơn số lượng thực tế:
Hàng năm, CDC Điện Biên xây dựng dự kiến đối tượng dựa trên công thức ước tính để tham mưu cho Sở Y tế giao chỉ tiêu đối tượng cho các đơn vị. Dẫn đến, chỉ tiêu đối tượng giao và đối tượng thực tế lệch nhau (cao hơn).
- Việc sử dụng phần mềm quản lý TCMR chưa hiệu quả, người sử dụng chưa khai thác hết các tính năng ứng dụng của phần mềm:

Người sử dụng còn hạn chế về trình độ tin học; cán bộ thư ký chương trình thay đổi; công tác tập huấn sử dụng phần mềm chưa hiệu quả; một số lỗi trong phần mềm được CDC Điện Biên báo cáo TCMR Khu vực Miền bắc nhưng chưa được khắc phục (cách tính số đối tượng dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ; số đối tượng trẻ tiêm chủng trong phần mềm và trên thực tế chưa lọc được;...).

- Cán bộ giao phụ trách Chương trình TCMR (thư ký chương trình) thường thay đổi, thư ký chương trình hiện tại mới tiếp nhận công việc, còn bỡ ngỡ trong công việc; do vậy, chưa tham mưu kịp thời một số nội dung trong thực hiện quy định về tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, cấp phát vắc xin (như đã nêu ở mục 3.2.2).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN

Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã hướng dẫn đơn vị việc dự kiến đối tượng tiêm chủng để xây dựng chỉ tiêu kế hoạch năm; các quy định về tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, cấp phát, sử dụng vắc xin; quản lý đối tượng tiêm chủng;... để đơn vị khắc phục những tồn tại.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

5.1. Đối với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:

- Hàng năm, dự kiến đối tượng TCMR tham mưu cho Sở Y tế để giao chỉ tiêu cho các huyện phải căn cứ trên cơ sở đối tượng báo cáo của các huyện; không dự kiến đối tượng dựa trên công thức ước tính.
- Có văn bản hướng dẫn về tập huấn chuyên môn công tác an toàn tiêm chủng cho các huyện, đảm bảo cán bộ tiêm chủng được đào tạo liên tục theo quy định tại Thông tư 26/2020/TT-BYT ngày 28/1/2020 sửa đổi, bổ sung một số

điều của Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.

- Khai thác, sử dụng phần mềm quản lý TCMR tại xã, huyện và tại CDC Điện Biên một cách hiệu quả; báo cáo TCMR Khu vực Miền bắc một số lỗi trong phần mềm TCMR để được khắc phục (cách tính số đối tượng dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ; số đối tượng trẻ tiêm chủng trong phần mềm và trên thực tế chưa lọc được;...).

- Duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hỗ trợ các đơn vị để kịp thời phát hiện những tồn tại, giúp các đơn vị khắc phục tồn tại và thực hiện tốt hơn trong hoạt động tiêm chủng.

5.2. Đối với Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông:

- Rà soát, đánh giá cụ thể những tồn tại trong công tác tiêm chủng trên địa bàn toàn huyện mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra; có kế hoạch khắc phục ngay những tồn tại.

- Thực hiện công bố thực hành tốt bảo quản thuốc – GSP theo quy định đối với kho bảo quản vắc xin, sinh phẩm.

- Chỉ đạo trạm y tế rà soát chi tiết các đối tượng TCMR thực tế, hàng tháng, đối khớp với Trung tâm để báo cáo cơ quan cấp trên điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với thực tế.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện quy định về hoạt động tiêm chủng mở rộng đối với Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông. Giám đốc Sở Y tế yêu cầu Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị; đồng thời nghiêm túc thực hiện những nội dung kết luận, kiến nghị trong công tác TCMR tại đơn vị; khắc phục những tồn tại và báo cáo Sở Y tế (Thanh tra sở) trước ngày 30/8/2021./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trung tâm Y tế huyện Điện Biên Đông;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT; Thanh tra.

GIÁM ĐỐC

Phạm Giang Nam

Phụ lục 1:

DANH SÁCH
CÁN BỘ TẬP HUẤN VỀ AN TOÀN TIÊM CHỨNG NĂM 2020

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác
1	Cà Văn Tuấn	17/5/1985	Bác sĩ	TYT xã Mường Luân
2	Lò Văn Toán	26/6/1988	Y sĩ đa khoa	TYT xã Mường Luân
3	Lò Thanh Cường	9/12/1966	Y sĩ đa khoa	TYT xã Mường Luân
4	Lò Văn Hiệu	15/6/1994	ĐD đại học	TYT xã Mường Luân
5	Lò Thị Thuận	19/02/1985	Nữ hộ sinh	TYT xã Mường Luân
6	Thào A Sùng	15/11/1983	Cử nhân YTCC	TYT xã Pú Hồng
7	Lò Văn Bua	10/10/1978	Y sĩ đa khoa	TYT xã Pú Hồng
8	Lò Văn Mưu	20/6/1968	Y sĩ đa khoa	TYT xã Pú Hồng
9	Lường Văn Cường	27/4/1975	Y sĩ đa khoa	TYT xã Pú Hồng
10	Lò Thị Vân	16/4/1995	ĐD cao đẳng	TYT xã Pú Hồng
11	Vàng Thị Di	26/01/1989	NHS cao đẳng	TYT xã Pú Hồng
12	Lù Văn Chinh	25/5/1990	Y sĩ	TYT xã Phì Nhừ
13	Nguyễn Thị Thắm	24/6/1990	Y sĩ	TYT xã Phì Nhừ
14	Lò Thị Thủy	18/3/1986	ĐD cao đẳng	TYT xã Phì Nhừ
15	Lò Thị Mai Ngọc	12/9/1981	NHS cao đẳng	TYT xã Phì Nhừ
16	Hạ A Khoa	02/3/1992	Bác sĩ	TYT xã Phì Nhừ
17	Sùng A Khoa	10/4/1980	ĐD cao đẳng	TYT xã Háng Lìa
18	Quàng Hải Công	03/8/1993	Bác sĩ đa khoa	TYT xã Háng Lìa
19	Nguyễn Khắc Thành	20/9/1983	Bác sĩ CKI	TYT xã Phình Giàng
20	Dương Thị Lành	18/5/1987	Y sĩ	TYT xã Phình Giàng
21	Thào A Mua	15/7/1984	Điều dưỡng TH	TYT xã Phình Giàng
22	Lường Thị Ngoãn	26/02/1987	Y sĩ	TYT xã Phình Giàng
23	Tòng Thị Tiến	10/10/1990	Y sĩ	TYT xã Phình Giàng
24	Trần Thị Phương	20/5/1994	NHS	TYT xã Phình Giàng
25	Lò Thị Tình	20/8/1988	Y sĩ đa khoa	TYT xã Na Sơn
26	Lò Thị Lả	12/10/1990	Y sĩ đa khoa	TYT xã Na Sơn
27	Quàng Thị Phương	19/5/1986	NHS cao đẳng	TYT xã Na Sơn
28	Quàng Văn Chính	20/9/1987	Y sĩ đa khoa	TYT xã Luân Giới
29	Lò Văn Sơn	21/8/1981	Bác sĩ	TYT xã Luân Giới
30	Lò Văn Pâng	03/10/1990	Y sĩ đa khoa	TYT xã Luân Giới
31	Quàng Thị Ngọc	02/5/1993	NHS cao đẳng	TYT xã Luân Giới

32	Lò Thị Ngọc Lê	10/8/1985	NHS cao đẳng	TYT Thị trấn
33	Lò Văn Phong	28/4/1970	Y sĩ đa khoa	TYT Thị trấn
34	Vừ Thị Dừa	10/7/1986	Y sĩ đa khoa	TYT Thị trấn
35	Giàng Chờ Sáy	10/5/1969	Y sĩ đa khoa	TYT Thị trấn
36	Tòng Văn Hương	25/6/1971	Y sĩ đa khoa	TYT xã Keo Lôm
37	Trương Thị Lan Anh	26/3/1988	CNYTCC	TYT xã Keo Lôm
38	Lò Văn Dung	13/4/1978	Y sĩ đa khoa	TYT xã Tìà Đình
39	Lù Thị Thủy	08/9/1980	NHS cao đẳng	TYT xã Tìà Đình
40	Hờ A Giàng	05/10/1972	Y sĩ đa khoa	TYT xã Noong U
41	Lò Thị Mỹ Linh	10/8/1985	NHS cao đẳng	TYT xã Noong U
42	Hờ A Lềnh	15/10/1984	Y sĩ đa khoa	TYT xã Noong U
43	Lò Văn Hòa	25/10/1980	CNYTCC	TYT xã Noong U
44	Lò Văn Thành	28/01/1984	CNYTCC	Khoa VSATTP
45	Thào A Gấu	19/10/1985	CNYTCC	Khoa KSBT & HIV/AIDS
46	Quàng Văn Khoa	10/8/1987	Y sĩ đa khoa	Khoa KSBT & HIV/AIDS
47	Lò Văn Thành	21/7/1987	CNYTCC	Khoa KSBT & HIV/AIDS
48	Phạm Xuân Cường	17/11/1984	Bác sĩ Đa khoa	Khoa KS nhiễm khuẩn
49	Giàng A Cửa	04/01/1982	Bác sĩ	Khoa YTCC & DD
50	Trần Thị Mai	06/3/1983	CNYTCC	Khoa YTCC & DD
51	Lò Văn Thiết	02/8/1987	CNYTCC	Khoa YTCC & DD
52	Lò Văn Trọng	03/8/1985	Bác sĩ đa khoa	Khoa YTCC & DD
53	Lò Thị Phong	08/5/1982	NHS cao đẳng	Khoa Phụ sản
54	Kim Thị Hà	27/7/1984	NHS đại học	Khoa Phụ sản
55	Trần Thị Nga	10/5/1978	NHS đại học	Khoa Phụ sản
56	Lầu A Mua	08/8/1986	Bác sĩ CKI	Khoa Phụ sản
57	Trịnh Đắc Tú	12/8/1988	Y sĩ đa khoa	TYT xã Xa Dung
58	Sùng A Say	10/10/1978	Y sĩ đa khoa	TYT xã Xa Dung
59	Lầu A Dia	08/8/1979	Điều dưỡng TH	TYT xã Xa Dung
60	Và Thị Thi	15/11/1991	Bác sĩ đa khoa	TYT xã Xa Dung
61	Lò Thị Thín	10/5/1992	NHS cao đẳng	TYT xã Xa Dung
62	Hạng A Sênh	15/11/1982	CNYTCC	TYT xã Pu Nhi
63	Hạng A Chứ	10/6/1972	Y sĩ đa khoa	TYT xã Pu Nhi
64	Vàng Thị Đớ	10/9/1987	NHS cao đẳng	TYT xã Pu Nhi
65	Lò Thị Thoa	18/7/1985	ĐD cao đẳng	TYT xã Pu Nhi
66	Nguyễn Duy Đại	11/1/1981	CNYTCC	Phòng KHNV

Phụ lục 2:

KẾT QUẢ TIÊM CÁC LOẠI VẮC XIN CHO TRẺ EM DƯỚI 1 TUỔI (TCĐĐ) NĂM 2020

TT	Địa phương	Số trẻ <1 tuổi	BCG	Viêm gan B		DPT-VGB-Hib			bOPV			IPV	Sởi	TCĐĐ	Tỷ lệ (%)
				≤24 h	>24h	1	2	3	1	2	3				
1	Tà Đình	95	67	33	4	62	74	72	67	65	77	89	92	92	96,8
2	Xa Dung	176	147	13	6	147	115	145	163	163	166	143	167	167	94,9
3	Phình Giàng	101	65	28	0	102	101	99	96	94	96	88	99	96	95,0
4	Luân Giới	82	68	48	0	88	78	70	85	72	70	73	88	79	96,3
5	Pú Hồng	140	112	38	0	132	148	151	132	147	149	153	136	136	97,1
6	Háng Lìa	73	62	7	10	67	70	61	71	66	71	76	73	73	100,0
7	Keo Lôm	180	86	12	12	160	148	146	162	151	147	145	176	172	95,6
8	Mường Luân	71	32	24	3	61	64	66	52	55	58	63	69	69	97,2
9	Pu Nhi	144	80	25	22	97	91	115	101	100	124	134	138	137	95,1
10	Phi Nhừ	217	119	4	22	199	215	197	199	215	195	213	219	207	95,4
11	Chiềng Sơ	140	86	32	19	115	145	169	107	110	115	123	129	135	96,4
12	Na Sơn	66	6	2	0	67	63	60	65	72	66	58	64	64	97,0
13	Thị Trấn	69	0	0	0	48	49	50	47	50	51	57	66	67	97,1
14	Noong U	83	71	18	1	86	80	69	87	87	74	76	82	82	98,8
15	Bệnh viện	0	388	368	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Toàn huyện		1.637	1.389	652	100	1.431	1.441	1.470	1.434	1.447	1.459	1.491	1.598	1.576	96,3

Ghi chú:

BCG: Vắc xin phòng bệnh Lao; bOPV: Vắc xin bại liệt uống; DPT-VGB-Hib: Vắc xin phòng bệnh bạch hầu – ho gà – uốn ván – viêm gan B – viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib; IPV: Vắc xin bại liệt tiêm; TCĐĐ: Tiêm chủng đầy đủ.

Phụ lục 3:

KẾT QUẢ TIÊM CÁC LOẠI VẮC XIN CHO PNCT VÀ TRẺ EM TRÊN 1 TUỔI NĂM 2020

TT	Địa phương	Phụ nữ có thai			Trẻ từ 18-24 tháng tuổi					Trẻ từ 1-5 tuổi tiêm VNNB					
		Đối tượng	UV2+	Tỷ lệ (%)	Đối tượng	Sởi-Rubella	Tỷ lệ (%)	DPT mũi 4	Tỷ lệ (%)	Đối tượng	M2	Tỷ lệ (%)	Đối tượng	M3	Tỷ lệ (%)
1	Tiã Dinh	95	86	90,5	113	108	95,6	102	90,3	97	95	97,9	113	110	97,3
2	Xa Dung	176	165	93,8	209	198	94,7	186	89,0	187	178	95,2	195	185	94,9
3	Phình Giàng	108	103	95,4	103	98	95,1	96	93,2	109	104	95,4	120	115	95,8
4	Luân Giới	82	78	95,1	79	78	98,7	74	93,7	77	76	98,7	114	112	98,2
5	Pú Hồng	143	132	92,3	141	136	96,5	129	91,5	157	151	96,2	156	152	97,4
6	Háng Lìa	73	66	90,4	80	76	95,0	68	85,0	73	72	98,6	98	93	94,9
7	Keo Lôm	180	174	96,7	196	190	96,9	158	80,6	189	179	94,7	213	205	96,2
8	Mường Luân	71	72	101,4	89	85	95,5	81	91,0	74	70	94,6	87	85	97,7
9	Pu Nhi	144	141	97,9	146	143	97,9	131	89,7	138	131	94,9	163	155	95,1
10	Phi Nhừ	217	199	91,7	216	205	94,9	205	94,9	220	208	94,5	261	247	94,6
11	Chiềng Sơ	140	133	95,0	157	151	96,2	127	80,9	143	141	98,6	168	161	95,8
12	Na Sơn	66	63	95,5	67	65	97,0	65	97,0	68	66	97,1	76	76	100,0
13	Thị Trấn	65	56	86,2	65	63	96,9	61	93,8	68	66	97,1	71	71	100,0
14	Noong U	83	92	110,8	96	89	92,7	88	91,7	99	97	98,0	89	81	91,0
Cộng 12 tháng		1.643	1.560	94,9	1.757	1.685	95,9	1.571	89,4	1.699	1.634	96,2	1.924	1.848	96,0

Ghi chú:

UV2+: Phụ nữ có thai được tiêm từ 02 mũi vắc xin phòng uốn ván (AT) trở lên.

Phụ lục 4:**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, SỬ DỤNG VẮC XIN, VẬT TƯ TCMR NĂM 2020**

Đơn vị tính: Liều

Tên vắc xin	Tồn 2019		Tổng nhập	Cấp phát	Sử dụng	Tồn		Ghi chú
	Tại kho	Tại xã				Tại kho đơn vị	Tại xã	
Vắc xin BCG	0	540	6.600	6.600	6.340	0	800	
Vắc xin Viêm gan B	0	194	540	540	719	0	15	
Vắc xin DPT-VGB-Hib (SII)	0	115	4.000	3.700	3.797	0	318	
Vắc xin ComBe Five	0	0	1.208	1.208	941	0	267	Đã thu hồi
Vắc xin bOPV	0	20	11.400	11.400	11.290	0	130	
Vắc xin IPV	0	70	9.500	9.500	9.330	0	240	
Vắc xin Sởi	0	1.190	6.400	6.400	7.140	0	450	
Vắc xin VNNB	0	140	8.050	8.050	8.150	0	40	
Vắc xin DPT	0	680	3.900	3.900	4.580	0	0	
Vắc xin MR	0	720	5.700	5.700	6.110	0	310	
Vắc xin AT	0	160	12.700	12.700	12.740	0	120	
Bơm 5 ml	0	324	1.500	1.500	1.798	0	26	
Bơm 0,1 ml	0	144	1.200	1.200	1.316	0	28	
Bơm 1 ml	0	200	0	0	200	0	0	
Bơm 0,5 ml	0	1.833	19.200	19.200	20.295	0	738	
Hộp an toàn	0	20	325	325	343	0	2	

Ghi chú:

BCG: Vắc xin phòng bệnh Lao; bOPV: Vắc xin bại liệt uống; IPV: Vắc xin bại liệt tiêm; AT: Vắc xin phòng bệnh uốn ván; DPT: Vắc xin phòng bệnh bạch hầu – ho gà – uốn ván; ComBe Five: Vắc xin 5 trong 1, phòng bệnh bạch hầu - ho gà - uốn ván – viêm gan B - viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib; VNNB: Vắc xin Viêm não Nhật Bản.

Phụ lục 5:**TỔNG HỢP ĐIỂM TIÊM CHỦNG CỐ ĐỊNH VÀ LƯU ĐỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG NĂM 2020**

Số TT	Điểm tiêm cố định	Điểm tiêm ngoại trạm (lưu động)	Ghi chú
1	Khoa KSBT và HIV/AIDS	Không	Tiêm vắc xin Đại
2	Khoa Sản	Không	Tiêm VGB sơ sinh, tiêm BCG
3	Trạm Y tế xã Na Sơn	Bản Sư Lư, Lọng Chuông B, Trung Phú	
4	Trạm Y tế xã Xa Dung	Xa Dung A, Chua Thò, Tìa Ghénh, Thảm Mỹ A, Thảm Mỹ B, Ca Tàu, Nà Sản, Mường Tinh A, Mường Tinh B, Huổi Hịa, Háng Tàu	
5	Trạm Y tế xã Phì Nhừ	Cò Dề A, Háng Trọ, Pó Sinh, Chua Ta A, Chua Ta B, Chổng Mông, Háng Sông Trên, Háng Sông Dưới, Háng Pu Xy, Từ Xa A, Từ Xa B, Trống Sư A, Trống Sư B, Suối Lư, Na Nghịu	
6	Trạm Y tế xã Chiềng Sơ	Nà Muông, Hìn Ông, Nậm Mẩn, Háng Tàu,	
7	Trạm Y tế xã Mường Luân	Bản Trung Tâm, Pá Vạt, Pá Pao, Bản Bánh	
8	Trạm Y tế xã Luân Giới	Pá Khôm, Na Ngua, Na Ân, Bản Yên, Bản Đại Trên	
9	Trạm Y tế xã Háng Lìa	Huổi Tống, Huổi Va, Huổi Sông, Tìa Mùng, Háng Tây	
10	Trạm Y tế xã Tìa Đình	Chua Ta, Tìa Ghénh, Púng Báng, Háng Sua, Tào La, Na Su	
11	Trạm Y tế xã Phình Giàng	Phì Cao, Phì Xua, Phá Khẩu	
12	Trạm Y tế xã Pú Hồng	Không có	
13	Trạm Y tế xã Keo Lôm	Keo Lôm 1, Suối Lư 4, Trung Sua, Háng Lìa, Huổi Hoa, Chóp Ly, Keo Lôm 2	
14	Trạm Y tế xã Pu Nhi	Pu Cai, Pu Nhi A, Phù Lông A	
15	Trạm Y tế xã Noong U	Tìa Mùng A, Tìa Ló A, Dư O, Thanh Ngám, Tà Té	
16	Trạm Y tế Thị Trấn	Không có	
	16 cơ sở cố định	73 điểm tiêm ngoại trạm	